

\*

Cao Bằng, ngày 16 tháng 6 năm 2025

**ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP**

**Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 30**

**1. Điểm khóa luận tốt nghiệp**

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Ánh	8,00	Tám	7	Triệu Gia Khánh	8,00	Tám
2	Ma Thị Hoài	8,00	Tám	8	Nông Thị Lụa	8,50	Tám phẩy năm
3	Nông Thị Ngọc	8,00	Tám	9	Nội Thị Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Vi Thị Hồng	8,00	Tám	10	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Lưu Thị Vui	8,25	Tám phẩy hai năm	11	Lục Thị Xinh	8,25	Tám phẩy hai năm
6	Phạm Lê Hoài	8,00	Tám				

**2. Điểm thi tốt nghiệp**

1	Mông Tuấn Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	24	Vi Thị Ngân	7,33	Bảy phẩy ba ba
2	Mã Văn Chung	7,42	Bảy phẩy bốn hai	25	Bé Thị Tố Nữ	7,33	Bảy phẩy ba ba
3	Lục Văn Chuyên	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	26	Ma Thị Quyên	7,42	Bảy phẩy bốn hai
4	Nông Văn Cương	7,42	Bảy phẩy bốn hai	27	Hoàng Thị Quyên	7,58	Bảy phẩy năm tám
5	Vương Hải Đăng	7,58	Bảy phẩy năm tám	28	Mã Thị Sải	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
6	Sầm Thị Điềm	7,92	Bảy phẩy chín hai	29	Hoàng Văn Sáng	7,58	Bảy phẩy năm tám
7	Bé Thúy Điệp	8,00	Tám	30	Ma Thị Thắm	7,42	Bảy phẩy bốn hai
8	Phương Văn Đông	7,75	Bảy phẩy bảy năm	31	Hà Văn Thắng	7,33	Bảy phẩy ba ba
9	Nông Thị Thu Hằng	7,83	Bảy phẩy tám ba	32	Đàm Văn Thành	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Hoàng Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	33	Trịnh Đức Thành	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
11	Dương Văn Hiếu	7,42	Bảy phẩy bốn hai	34	Đặng Quỳnh Thư	7,92	Bảy phẩy chín hai
12	Đặng Văn Hìm	7,17	Bảy phẩy một bảy	35	Hà Thị Thủy	7,92	Bảy phẩy chín hai
13	Lục Văn Hòa	7,33	Bảy phẩy ba ba	36	Nông Đình Thuyên	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
14	Ma Thế Hội	6,83	Sáu phẩy tám ba	37	Ma Thị Tô	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Nông Thị Hồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	38	Ngô Quang Trường	7,50	Bảy phẩy năm
16	Hoàng Văn Hùng	7,17	Bảy phẩy một bảy	39	Hoàng Văn Tuấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
17	Lữ Thị Thu Hường	7,58	Bảy phẩy năm tám	40	Lưu Văn Tuyển	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Thị Lành	8,00	Tám	41	Lý Văn Ưng	7,42	Bảy phẩy bốn hai
19	Chu Thị Liên	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	42	Nông Quỳnh Vân	7,50	Bảy phẩy năm
20	Nông Thị Liễu	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	43	Hứa Thị Vân	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
21	Quan Thị Linh	7,83	Bảy phẩy tám ba	44	Vi Thị Xoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Tân Tài Nải	7,58	Bảy phẩy năm tám	45	Nông Thị Hoàng Xuân	7,92	Bảy phẩy chín hai
23	Ma Thị Nga	7,92	Bảy phẩy chín hai				

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**





**Nguyễn Thu Hằng**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**